

Bản án số: 14/2020/KDTM-ST

Ngày: 16-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Diện**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lê Phú Cường** và ông **Huỳnh Thanh Trà**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Lê Mai Ly** - Thư ký TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 75/2019/TLST-KDTM ngày 17.12.2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán thiết bị bếp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-KDTM ngày 06.3.2020; Thông báo về việc tạm dừng mở phiên tòa số 07/2020/TB-TA ngày 13.3.2020; Thông báo về việc mở phiên tòa số 03/2020/TB-TA ngày 27.4.2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-KDTM ngày 18.5.2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại dịch vụ H.**

Địa chỉ: 351/31 đường N, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Bá Q - Sinh năm 1973. Địa chỉ: 11 khu phố 3, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 07.01.2020), có mặt.

**2. Bị đơn: Công ty cổ phần L.**

Địa chỉ hiện nay: Tầng 3 - Tòa nhà F - Lý Thường Kiệt, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật là ông Võ Văn L - sinh năm 1973. Chức danh: Giám đốc, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 24.11.2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty TNHH thương mại dịch vụ H trình bày:*

Vào ngày 17 tháng 5 năm 2017, Công ty cổ phần L (sau đây gọi là Công ty L) và Công ty TNHH thương mại dịch vụ H (sau đây gọi là Công ty H) đã ký kết Hợp đồng mua bán thiết bị bếp số: 374/HVL-HY/05-2017. Thực hiện hợp đồng này, Công

ty H đã bán cho Công ty L: 01 Tủ nửa đông nửa mát 6 cánh; 01 Máy ép trái cây; 01 Máy vắt trái cây; tổng giá trị hợp đồng là 96.015.700 đồng. Công ty L đã thanh toán được số tiền 34.914.800 đồng, hiện còn nợ 61.100.900 đồng. Vào ngày 04.01.2019, Công ty H đã xuất hóa đơn GTGT theo giá trị hợp đồng cho Công ty L. Mặc dù, Công ty H đã hoàn thành nghĩa vụ của bên bán và nhiều lần yêu cầu bên mua phải thanh toán tiền nhưng Công ty L vẫn không thực hiện. Vì vậy, Công ty H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty L phải trả cho Công ty H số tiền cụ thể như sau: Nợ gốc 61.100.900 đồng; tiền lãi quá hạn chậm thanh toán:  $61.100.900 \text{ đồng} \times (8\% \times 150\%) / \text{năm} \times 15,5 \text{ tháng} (10.8.2018 \text{ đến } 24.11.2019) = 9.470.640 \text{ đồng}$ ; tổng cộng là 70.571.540 đồng.

*Tại Biên bản hòa giải ngày 13.02.2020, bị đơn là Công ty cổ phần L trình bày:*

Công ty L thống nhất xác nhận việc ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán thiết bị bếp số: 374/HVL-HY/05-2017 như Công ty H đã trình bày là đúng. Tổng giá trị hợp đồng là 96.015.700 đồng, Công ty L đã thanh toán được 34.914.800 đồng và hiện còn nợ số tiền 61.100.900 đồng. Do việc thanh toán còn phụ thuộc vào đơn vị khác, nên Công ty L không xác định được thời điểm trả nợ cho Công ty H.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là Công ty H vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi số tiền gốc 61.100.900 đồng và yêu cầu Công ty L phải thanh toán tiền lãi tính từ ngày 05.01.2019 đến ngày 16.6.2020 là:  $61.100.900 \text{ đồng} \times (8\% \times 150\%) / \text{năm} \times 17 \text{ tháng} 11 \text{ ngày} = 10.611.190 \text{ đồng}$ . Tổng cộng số tiền phải thanh toán là:  $61.100.900 \text{ đồng} + 10.611.190 \text{ đồng} = 71.712.090 \text{ đồng}$ .

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

##### **[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:**

Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán thiết bị bếp. Các bên tham gia quan hệ mua bán đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh, hoạt động vì mục đích lợi nhuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện nay, bị đơn Công ty L có trụ sở tại quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

##### **[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:**

Bị đơn là Công ty L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

## **[2] Về nội dung:**

### **[2.1] Về quan hệ hợp đồng:**

Hợp đồng mua bán thiết bị bếp số: 374/HVL-HY/05-2017 ngày 17.5.2017 giữa Công ty L và Công ty H được ký kết đúng thẩm quyền, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, hình thức hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại 2005 nên có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết.

### **[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán:**

Thực hiện Hợp đồng mua bán thiết bị bếp số: 374/HVL-HY/05-2017 ngày 17.5.2017, Công ty H đã bán cho Công ty L thiết bị nhà bếp cụ thể như sau: 01 Tủ nửa đông nửa mát, xuất xứ Berjaya Malaysia, model BSDU4C2F/C; 01 Máy ép trái cây, xuất xứ Sammic Spain, model LI-240; 01 Máy vắt trái cây, xuất xứ Sammic Spain, model ECM; giá trị hợp đồng là 96.015.700 đồng. Công ty H đã xuất hóa đơn số 0000323 ngày 04.01.2019 cho hợp đồng nói trên với tổng số tiền là 96.015.700 đồng. Công ty L đã thanh toán được số tiền 34.914.800 đồng và xác nhận còn nợ Công ty H số tiền 61.100.900 đồng.

Xét lý do chưa thanh toán tiền mua hàng của Công ty L: Công ty L cho rằng cần chờ chủ đầu tư dự án thanh toán, thì mới có khả năng trả tiền cho Công ty H. Tuy nhiên, theo thỏa thuận của các bên về trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện hợp đồng quy định tại Điều 7 Hợp đồng mua bán thiết bị bếp số: 374/HVL-HY/05-2017 ngày 17.5.2017, thì hoàn toàn không có thỏa thuận thanh toán hợp đồng phụ thuộc vào chủ đầu tư hoặc bên thứ ba. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu thanh toán tiền mua hàng của Công ty H: Xét thấy, bên mua hàng là Công ty L đã được bên bán hàng là Công ty H cung cấp mặt hàng thiết bị bếp theo như hợp đồng đã ký kết. Bên mua xác nhận còn nợ số tiền 61.100.900 đồng nhưng không trả tiền cho bên bán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được hai bên thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán số: 374/HVL-HY/05-2017 ngày 17.5.2017. Vì vậy, Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty L phải thanh toán tiền mua hàng còn nợ 61.100.900 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại năm 2005 cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán của Công ty H: Tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán...”. Công ty H yêu cầu Công ty L phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 8%/năm x 150% là phù hợp với mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử. Do đó, cần buộc Công ty L phải trả cho Công ty H số tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 05.01.2019 đến ngày 16.6.2020 là 10.611.190 đồng. Tổng số tiền Công ty L phải thanh toán cho Công ty H là 71.712.090 đồng (gốc 61.100.900 đồng, lãi 10.611.190 đồng).

[2.3] Về trách nhiệm vật chất trong việc thực hiện hợp đồng: Theo thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp đồng mua bán số: 374/HVL-HY/05-2017 ngày 17.5.2017 thì: “Nếu Bên A không thực hiện việc thanh toán đúng hạn hợp đồng thì Bên A sẽ phải chịu phạt 0,5% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm...”. Như vậy, giữa bên bán và bên mua đã có thỏa thuận về việc phạt vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 300 Luật Thương mại năm 2005. Tuy nhiên, bên bán là Công ty H không yêu cầu bên mua phải thực hiện nghĩa vụ phạt hợp đồng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

### **[3] Về án phí:**

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.585.600 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 8 Điều 3, Điều 24, 50, 55, 300 và 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 12 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng mua bán thiết bị bếp” của Công ty TNHH thương mại dịch vụ H đối với Công ty cổ phần L.

Xử:

1. Buộc Công ty cổ phần L phải thanh toán cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ H số tiền 71.712.090 đồng (Bảy một triệu bảy trăm mười hai nghìn không trăm chín mươi đồng); trong đó tiền gốc là 61.100.900 đồng, tiền lãi là 10.611.190 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### **2. Về án phí:**

Buộc Công ty cổ phần L phải chịu 3.585.600 đồng (Ba triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu số: 8695 ngày 16.12. 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

### **3. Về quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Phạm Văn Diện**